

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIÊN HÙNG  
Số: KHS-COM-OD26/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 23 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Kiên Hùng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS
- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc,  
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02973 838 009 Fax:
- Email: [info@kihuseavn.com](mailto:info@kihuseavn.com) Website: [www.kihuseavn.com](http://www.kihuseavn.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng/năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):
    - Có  Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
  - Có  Không
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):
  - Có  Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
  - Có  Không
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
  - Có  Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
  - Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 23/08/2024 tại đường dẫn: <http://kihuseavn.com/tt-4/bao-cao-tai-chinh>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*); .....

- Ngày hoàn thành giao dịch: .....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng và hợp nhất 6 tháng/2024
- Văn bản giải trình cho các BCTC

**Đại diện tổ chức**

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Anh

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024



Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 42



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần thứ năm ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 120.909.690.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 120.909.690.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã “KHS”.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Sản xuất giống thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm.

### **4. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ**

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### 6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật

#### Hội đồng Quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Huỳnh Công Luận	Thành viên
Bà Lâm Thị Hương Mai	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Dũng	Thành viên độc lập
Ông Trần Việt Trung	Thành viên độc lập

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng

#### Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Tuyển Minh	Trưởng ban
Ông Ngô Văn Thiện	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên

#### Đại diện pháp luật

Ông Trần Quốc Dũng
--------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### 9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tỉnh Kiên Giang, ngày 20 tháng 08 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Quốc Dũng**



Số: 674 /BCSX/TC/2024/AASCS

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng, được lập ngày 12 tháng 07 năm 2024, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Không phủ nhận kết luận của Kiểm toán viên nêu trên, như đã nêu tại Thuyết minh V.07, Công ty con - Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đang tiến hành mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 12/23/QĐ-AOKI ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thủy Sản Aoki và Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

DỊCH VỤ TƯ VẤN

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

VÀ KIỂM TOÁN

PHÍA NAM

T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1091-2023-142-1

Mẫu số B 01a – DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>166.447.546.425</b>	<b>197.063.779.087</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>6.044.479.578</b>	<b>5.322.755.823</b>
1. Tiền	111		6.044.479.578	5.322.755.823
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.818.826.029</b>	<b>49.112.925.151</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.991.939.473	47.212.086.838
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	12.367.253.340	1.513.720.464
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	459.633.216	387.117.849
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>111.923.658.021</b>	<b>141.896.309.404</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	111.923.658.021	141.896.309.404
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>660.582.797</b>	<b>731.788.709</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a	660.582.797	543.161.427
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	188.627.282
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>196.049.175.089</b>	<b>205.136.321.707</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>174.940.325.937</b>	<b>182.771.614.958</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	160.403.780.921	168.109.540.672
- Nguyên giá	222		292.398.756.864	292.906.106.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.994.975.943)	(124.796.566.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	14.536.545.016	14.662.074.286
- Nguyên giá	228		16.255.663.439	16.255.663.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.719.118.423)	(1.593.589.153)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>68.851.818</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	-	68.851.818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.07	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		48.631.650.128	48.631.650.128
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(48.631.650.128)	(48.631.650.128)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.108.849.152</b>	<b>20.295.854.931</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b	19.108.849.152	20.295.854.931
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>362.496.721.514</b>	<b>402.200.100.794</b>

5011729  
CÔNG TY  
TNHH  
CH VỤ TÀI  
CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM TỐC  
PHÍA MÀN  
- T.P.H.C

Mẫu số B 01a – DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>171.395.718.464</b>	<b>226.240.586.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>152.095.718.464</b>	<b>161.640.586.162</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.348.420.467	17.216.026.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.023.583.302	1.480.518.039
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	451.171.081	47.481.709
4. Phải trả người lao động	314		5.817.721.011	6.910.362.007
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	391.836.617	812.512.035
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	42.076.050	42.076.050
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	120.809.292.725	126.798.260.049
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.211.617.211	8.333.349.460
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.300.000.000</b>	<b>64.600.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	19.300.000.000	64.600.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>191.101.003.050</b>	<b>175.959.514.632</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>191.101.003.050</b>	<b>175.959.514.632</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.909.690.000	120.909.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.909.690.000	120.909.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.183.241.500	2.183.241.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.696.071.563	40.015.010.140
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.311.999.987	12.851.572.992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.881.870.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.430.129.987	12.851.572.992
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>362.496.721.514</b>	<b>402.200.100.794</b>

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng



Mẫu số B 02a – DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01.a	322.206.148.088	317.989.021.229
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01.b	5.748.122.814	4.792.312
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		316.458.025.274	317.984.228.917
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	278.615.562.305	300.633.475.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.842.462.969	17.350.753.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	722.593.554	2.169.158.323
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.059.597.909	14.423.769.737
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.912.356.653	7.366.747.434
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	5.477.669.827	4.713.435.274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	7.251.648.703	7.372.984.055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.776.140.084	(6.990.277.496)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.036.463.802	922.440.637
12. Chi phí khác	32	VI.07	3.382.473.899	855.655.331
13. Lợi nhuận khác	40		(2.346.010.097)	66.785.306
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.430.129.987	(6.923.492.190)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	49.536.498
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(49.536.498)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.430.129.987	(6.923.492.190)

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2024

Trưởng Giám đốc



Trần Quốc Dũng



Mẫu số B 03a – DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.430.129.987	(6.923.492.190)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.450.776.531	7.770.933.724
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		-	6.407.351.708
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		442.538.435	428.416.521
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		195.967.200	(101.670.629)
- Chi phí lãi vay	06		5.912.356.653	7.366.747.434
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.431.768.806	14.948.286.568
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.773.904.573	36.617.942.698
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		29.972.651.383	90.380.268.819
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.463.384.942)	(15.394.479.246)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.138.436.227	(6.620.933.367)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.015.139.896)	(7.497.826.955)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(49.536.498)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(278.373.758)	(640.385.479)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>52.559.862.393</b>	<b>111.743.336.540</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(12.405.406.191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	97.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.727.108	4.306.993
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>184.545.290</b>	<b>(12.303.735.562)</b>



Mẫu số B 03a – DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		249.267.417.115	199.748.230.357
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(301.290.101.043)	(278.202.597.773)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(18.136.453.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(52.022.683.928)</b>	<b>(96.590.820.916)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>721.723.755</b>	<b>2.848.780.062</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.322.755.823</b>	<b>4.952.458.765</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>6.044.479.578</b>	<b>7.801.238.827</b>

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2024

Ông Giám đốc



Trần Quốc Dũng

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024*

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần thứ năm ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 120.909.690.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 120.909.690.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã “KHS”.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Sản xuất giống thủy sản; Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm.

### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.**

### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

### **7. Số lượng nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 404 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 433 nhân viên).





## CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

### 8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công Ty Cổ Phần Kiến Hùng có 01 (một) Công ty con, 03 (ba) chi nhánh trực thuộc. Chi tiết như sau:

#### a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thủy Sản Aoki (i)	Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.	Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh	51,0%	51,0%	51,0%	51,0%

#### Ghi chú:

(i) Đến ngày 30/06/2024, Công ty con - Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đang tiến hành mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 12/23/QĐ-AOKI ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thủy Sản Aoki và Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

#### b. Danh sách Chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiến Hùng - Nhà máy Bột cá Kiên Hùng	Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiến Hùng - Nhà máy Thạnh Lộc	Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiến Hùng - Trang trại nuôi trồng thủy sản Kiến Hùng	Tổ 22, Ấp Linh Huỳnh, Xã Linh Huỳnh, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.





## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng đầu tư tài chính:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### b. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.





**c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).



**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")****a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với máy móc, thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc thiết bị	03 - 15
- Phương tiện vận tải	05 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Cây lâu năm	08
- Tài sản cố định khác	04 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.





## **b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 36 năm đến 49 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

## **6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



## **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.





**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập****a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.





## **12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## **14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

## **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...



**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Đơn vị tính: VND*

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
- Tiền mặt	419.111.378	431.244.240
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.625.368.200	4.891.511.583
<b>Cộng</b>	<b>6.044.479.578</b>	<b>5.322.755.823</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>34.991.939.473</b>	<b>47.212.086.838</b>
- Công ty TNHH Kanematsu Việt Nam	-	24.124.860.000
- Euromex Seafood	3.139.848.422	8.037.034.712
- Richwell Group, Inc. DBA Mafield Seafood	-	3.362.001.440
- Sanpo Suisan Co., Ltd.	6.227.214.039	-
- Tongwei Feed Mill Bangladesh Ltd.	6.161.732.000	-
- Progress International Corporation	5.403.354.106	-
- Các khách hàng khác	14.059.790.906	11.688.190.686
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>12.367.253.340</b>	<b>1.513.720.464</b>
- PT. Gerbang Bahari Sejahtera	5.515.303.370	706.095.000
- PT. Sanjaya Internasional Fishery	2.673.022.000	517.588.500
- CV. Sumber Laut Rejeki	3.643.796.710	-
- Các nhà cung cấp khác	535.131.260	290.036.964
<b>b. Dài hạn</b>	-	-



## 4. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>459.633.216</b>	-	<b>387.117.849</b>	-
- Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	206.274.696	-	216.604.249	-
- Phải thu người lao động (Tạm ứng)	253.358.520	-	170.513.600	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>459.633.216</b>	-	<b>387.117.849</b>	-

## 5. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	23.524.666.838	-	27.085.437.601	-
- Công cụ, dụng cụ	2.614.263.835	-	2.699.046.654	-
- Thành phẩm	85.520.727.348	-	112.111.825.149	-
- Hàng hóa	264.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>111.923.658.021</b>	-	<b>141.896.309.404</b>	-

Ghi chú:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 111.923.658.021 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng để bảo đảm các khoản nợ vay của Công ty (xem thuyết minh V.16).

## 6. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	<b>68.851.818</b>
- Chi phí khác	-	68.851.818
<b>Cộng</b>	-	<b>68.851.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG**

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>a.1 Ngắn hạn</b>				
<b>a.2 Dài hạn</b>	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng (1)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**Ghi chú:**

(1) Khoản đầu tư trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, số lượng 20.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm từ ngày 18/11/2021, lãi suất thả nổi và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + 1%/ năm.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	48.631.650.128	(48.631.650.128)	48.631.650.128	(48.631.650.128)
- Công ty TNHH Thủy Sản Aoki (2)	48.631.650.128	(*)	48.631.650.128	(*)
<b>Cộng</b>	<b>48.631.650.128</b>	<b>(48.631.650.128)</b>	<b>48.631.650.128</b>	<b>(48.631.650.128)</b>

**Ghi chú:**

(\*) Tại ngày 30/06/2024 và ngày 01/01/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

(2) Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết tương đương vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH Thủy Sản Aoki. Đến ngày 30/06/2024, Công ty con - Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đang tiến hành mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 12/23/QĐ-AOKI ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thủy Sản Aoki và Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG**

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu năm	121.222.382.333	142.838.656.307	26.157.642.310	221.701.818	1.075.110.000	1.390.614.096	292.906.106.864
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	507.350.000	-	-	-	507.350.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	507.350.000	-	-	-	507.350.000
4. Số dư cuối kỳ	121.222.382.333	142.838.656.307	25.650.292.310	221.701.818	1.075.110.000	1.390.614.096	292.398.756.864
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu năm	39.442.094.396	73.853.057.827	9.164.572.430	221.701.818	724.525.625	1.390.614.096	124.796.566.192
2. Tăng trong kỳ	3.058.576.587	2.834.726.133	1.383.025.791	-	48.918.750	-	7.325.247.261
- Khấu hao tăng trong kỳ	3.058.576.587	2.834.726.133	1.383.025.791	-	48.918.750	-	7.325.247.261
3. Giảm trong kỳ	-	-	126.837.510	-	-	-	126.837.510
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	126.837.510	-	-	-	126.837.510
4. Số dư cuối kỳ	42.500.670.983	76.687.783.960	10.420.760.711	221.701.818	773.444.375	1.390.614.096	131.994.975.943
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Số dư đầu năm	81.780.287.937	68.985.598.480	16.993.069.880	-	350.584.375	-	168.109.540.672
2. Số dư cuối kỳ	78.721.711.350	66.150.872.347	15.229.531.599	-	301.665.625	-	160.403.780.921

**Ghi chú:**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 129.165.696.765 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh V.16).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 52.375.301.474 VND.





## 9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	8.747.343.382	7.508.320.057	16.255.663.439
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	8.747.343.382	7.508.320.057	16.255.663.439
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	-	1.593.589.153	1.593.589.153
2. Tăng trong kỳ	-	125.529.270	125.529.270
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	125.529.270	125.529.270
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	1.719.118.423	1.719.118.423
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Số dư đầu năm	8.747.343.382	5.914.730.904	14.662.074.286
2. Số dư cuối kỳ	8.747.343.382	5.789.201.634	14.536.545.016

Chi tiết Nguyên giá quyền sử dụng đất như sau:

**Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 4.936 m <sup>2</sup> .	3.703.851.607	3.703.851.607
- Quyền sử dụng đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Diện tích 6.868,9 m <sup>2</sup> .	5.043.491.775	5.043.491.775
<b>Cộng</b>	<b>8.747.343.382</b>	<b>8.747.343.382</b>

**Quyền sử dụng đất có thời hạn**

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 7.366,3 m <sup>2</sup> .	2.400.939.865	2.400.939.865
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Diện tích 6.529,6 m <sup>2</sup> .	3.264.177.130	3.264.177.130
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Diện tích 51.793 m <sup>2</sup> .	1.843.203.062	1.843.203.062
<b>Cộng</b>	<b>7.508.320.057</b>	<b>7.508.320.057</b>

**Ghi chú:**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 14.536.545.016 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh V.16).

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>660.582.797</b>	<b>543.161.427</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ	231.870.001	125.725.454
- Chi phí lắp đặt, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	94.342.847	178.736.099
- Chi phí khác	334.369.949	238.699.874
<b>b. Dài hạn</b>	<b>19.108.849.152</b>	<b>20.295.854.931</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ	322.339.185	710.990.275
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	1.171.196.604	1.700.766.906
- Quyền sử dụng đất tại KCN Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 30.038,4 m <sup>2</sup> (*)	8.901.754.901	9.007.309.307
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, diện tích 77.524,2 m <sup>2</sup> (**)	2.392.793.251	2.455.558.165
- Chi phí thuê đất trả trước tại Chi nhánh Bột cá Kiên Hùng	6.272.475.908	6.421.230.278
- Chi phí khác	48.289.303	-
<b>Cộng</b>	<b>19.769.431.949</b>	<b>20.839.016.358</b>

**Ghi chú:**

(\*) Toàn bộ quyền sử dụng đất này được thế chấp cho khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 17670080/2017-HĐCVĐADT/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 14/01/2018 và Hợp đồng cho vay từng lần số 18202009/2018-HĐCVTL/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 20/11/2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Kiên Giang (xem thuyết minh V.16).

(\*\*) Toàn bộ quyền sử dụng đất này được thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 20520008/2020-HĐCVĐADT/NHCT840 - CT CP KIEN HUNG ngày 24/12/2020 (xem thuyết minh V.16).

**11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>		<i>Ngày 01/01/2024</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.348.420.467</b>	<b>10.348.420.467</b>	<b>17.216.026.873</b>	<b>17.216.026.873</b>
- Công ty TNHH Hiếu Mẫn Ngọc	802.301.800	802.301.800	3.663.043.700	3.663.043.700
- Công ty TNHH Thủy Sản Huỳnh Anh Phát	2.661.392.600	2.661.392.600	5.398.220.300	5.398.220.300
- Thái Thị Trà Mi	2.788.149.000	2.788.149.000	2.828.955.000	2.828.955.000
- Các nhà cung cấp khác	4.096.577.067	4.096.577.067	5.325.807.873	5.325.807.873
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.348.420.467</b>	<b>10.348.420.467</b>	<b>17.216.026.873</b>	<b>17.216.026.873</b>
<b>c. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.023.583.302</b>	<b>1.480.518.039</b>
- Công ty TNHH Solar Farm Tuấn Minh	-	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Biển Việt	-	410.000.000
- ISEA International Co., Ltd	2.771.553.502	-
- Azuma Foods (Canada) Co., Ltd	1.015.979.362	-
- Gaochun International Co., Ltd	541.519.020	-
- Các khách hàng khác	694.531.418	70.518.039
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.023.583.302</b>	<b>1.480.518.039</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 01/01/2024</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã thực nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30/06/2024</i>
<b>a. Phải nộp</b>	<b>47.481.709</b>	<b>1.092.059.533</b>	<b>688.370.161</b>	<b>451.171.088</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	614.130.184	453.788.256	160.341.928
- Thuế thu nhập cá nhân	42.664.309	440.364.609	196.861.765	286.167.153
- Thuế tài nguyên	4.817.400	28.282.800	28.438.200	4.662.000
- Thuế khác	-	9.281.940	9.281.940	-
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>391.836.617</b>	<b>812.512.035</b>
- Trích trước lãi tiền vay	209.198.077	311.981.320
- Trích trước chi phí bán hàng	33.003.824	205.727.992
- Trích trước chi phí khác	149.634.716	294.802.723
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>391.836.617</b>	<b>812.512.035</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>42.076.050</b>	<b>42.076.050</b>
- Kinh phí công đoàn	20.869.550	20.869.550
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.206.500	21.206.500
<b>b. Dài hạn</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG**

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Ngày 01/01/2024			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá	Số phân loại lại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>120.809.292.725</b>	<b>120.809.292.725</b>	<b>242.267.417.115</b>	<b>278.990.101.043</b>	<b>733.716.604</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>126.798.260.049</b>	<b>126.798.260.049</b>
<b>a.1 Vay ngắn hạn</b>	<b>90.187.156.361</b>	<b>90.187.156.361</b>	<b>242.267.417.115</b>	<b>278.369.101.043</b>	<b>733.716.604</b>	-	<b>125.555.123.685</b>	<b>125.555.123.685</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kiên Giang	24.031.899.589	24.031.899.589	68.482.712.634	66.832.203.895	181.763.204	-	22.199.627.646	22.199.627.646
(1) - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Kiên Giang	66.155.256.772	66.155.256.772	173.217.791.481	210.969.984.148	551.953.400	-	103.355.496.039	103.355.496.039
(2) - Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	-	-	566.913.000	566.913.000	-	-	-	-
(3) - Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>a.2 Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>30.622.136.364</b>	<b>30.622.136.364</b>	-	<b>621.000.000</b>	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>1.243.136.364</b>	<b>1.243.136.364</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Kiên Giang	30.622.136.364	30.622.136.364	-	621.000.000	-	30.000.000.000	1.243.136.364	1.243.136.364
(4) - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG**

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Ngày 01/01/2024			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá	Số phân loại lại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>19.300.000.000</b>	<b>19.300.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>22.300.000.000</b>	-	<b>(30.000.000.000)</b>	<b>64.600.000.000</b>	<b>64.600.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(4)	-	-	22.300.000.000	-	(30.000.000.000)	52.300.000.000	52.300.000.000
- Bà Đỗ Thị Cẩm Hương	(5)	11.100.000.000	-	-	-	-	11.100.000.000	11.100.000.000
- Bà Lê Thị Hương	(6)	1.200.000.000	-	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	(7)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0067/23/0181/CT ngày 31/10/2023, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng và/hoặc ngoại tệ (USD) tương đương, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chế biến bột cá. Thời hạn hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

**Bên bảo lãnh**

Công ty Cổ phần Kiên Hùng

**Tài sản đảm bảo**

Đây chuyển, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty tại Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng tại Khu công nghiệp Thanh Lộc, và Nhà máy đông lạnh tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng và tại Nhà máy Bột cá Kiên Hùng (xem thuyết minh V.08).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 11.339,8 m<sup>2</sup> (xem thuyết minh V.08, V.09).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Diện tích 6.868,9 m<sup>2</sup> (xem thuyết minh V.08, V.09).

Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển/khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2019/VCB-KIHUSEA/HTK ngày 14/08/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 02/2019/VCB-KIHUSEA/KPT ngày 14/08/2019.



**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 238.10037/2023-HĐCVHM/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 16/10/2023, hạn mức được cấp là 120 tỷ đồng hoặc ngoại tệ USD tương đương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh, bột cá và hoạt động nuôi trồng thủy sản (tôm) của Công ty. Thời hạn hạn mức đến 16/10/2024, lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

**Bên bảo lãnh**

Công ty Cổ phần Kiến Hùng

**Tài sản đảm bảo**

Nhà máy chế biến thủy sản và toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của Công ty tại Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng tại Khu công nghiệp Thạnh Lộc (xem thuyết minh V.08).

Máy móc, thiết bị phục vụ "Dự án nuôi tôm thâm canh bán nhà kính" của Công ty tại Trang trại nuôi trồng thủy sản Kiên Hùng (xem thuyết minh V.08).

Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty tại Nhà máy Bột cá Kiên Hùng, và Nhà máy đông lạnh tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng (xem thuyết minh V.08).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 962,5 m<sup>2</sup> (xem thuyết minh V.08, V.09).

Các quyền tài sản: khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và khoản phải thu khác có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 47.818.826.029 VND (xem thuyết minh V.02, V.03, V.04).

Vật tư, nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 111.923.658.021 VND (xem thuyết minh V.05).

Ông Trần Quốc Dũng và Bà Lâm Thị Hương Mai

Quyền sử dụng đất và tài sản nền đất tại phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất tại phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất và nhà ở tại phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD870202400066 ngày 06/03/2024, hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và ứng trước tiền hàng Bộ chứng từ hàng xuất để phục vụ hoạt động chế biến bột cá và các sản phẩm từ thủy sản của Công ty. Thời hạn hạn mức đến hết ngày 05/03/2025, lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

**Bên bảo lãnh**

Công ty Cổ phần Kiến Hùng

**Tài sản đảm bảo**

Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (xem thuyết minh V.08, V.09).

Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.08).

Ông Trần Quốc Dũng

Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.





**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(4) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công thương Việt Nam-Chi nhánh Kiên Giang:

- Hợp đồng tín dụng số 17670080/2017-HĐCVDADT/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 14/01/2018. Số tiền vay không vượt quá 120 tỷ đồng. Thời hạn vay 84 tháng. Mục đích vay để thanh toán chi phí thực hiện dự án Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hưng tại KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08, V.10).
  - Hợp đồng cho vay từng lần số 18202009/2018-HĐCVTL/NHCT840-CTCP KIENHUNG ngày 20/11/2018. Thời hạn vay 6 năm. Mục đích vay để đầu tư chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày - đêm thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hưng công suất 3.000 tấn/năm tại Lô B4-B5, đường số 01, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08, V.10).
  - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20520008/2020-HĐCVDADT/NHCT840 - CT CP KIEN HUNG ngày 24/12/2020, thời hạn cho vay 5 năm. Hạn mức được cấp 22 tỷ đồng. Mục đích để đầu tư Dự án nuôi tôm thâm canh bán nhà kính tại tổ 22, ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08, V.10).
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT-2021 ngày 31/12/2020 và phụ lục gia hạn kèm theo với bà Đỗ Thị Cẩm Hương để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay đến hết ngày 05/01/2027, lãi suất vay bằng lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Kiên Giang. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.
- (6) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 03/HĐVT-2021 ngày 22/11/2021 và phụ lục gia hạn kèm theo với bà Lê Thị Hương để bổ sung vốn đầu tư. Thời hạn vay đến hết ngày 02/01/2027, lãi suất vay 10,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.
- (7) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT-2024 ngày 29/02/2024 với bà Nguyễn Thị Huyền Trang để bổ sung vốn đầu tư. Thời hạn vay từ ngày 29/02/2024 đến 29/02/2027, lãi suất vay 10,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG**

Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>120.909.690.000</b>	<b>2.183.241.500</b>	<b>51.571.185.162</b>	<b>38.579.954.788</b>	<b>213.244.071.450</b>
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(6.923.492.190)	(6.923.492.190)
- Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-	-	(18.136.453.500)	(18.136.453.500)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(16.826.105.357)	(16.826.105.357)
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.826.105.357	(3.086.396.383)	(3.086.396.383)
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(385.799.548)	(385.799.548)
+ Quỹ khác	-	-	-	(145.200.000)	(145.200.000)
+ Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(6.923.492.190)	(6.923.492.190)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>120.909.690.000</b>	<b>2.183.241.500</b>	<b>68.397.290.519</b>	<b>(6.923.492.190)</b>	<b>184.566.729.829</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>120.909.690.000</b>	<b>2.183.241.500</b>	<b>40.015.010.140</b>	<b>12.851.572.992</b>	<b>175.959.514.632</b>
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	16.430.129.987	16.430.129.987
- Phân phối lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	681.061.423	(681.061.423)	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.028.125.839)	(1.028.125.839)
+ Quỹ khác	-	-	-	(128.515.730)	(128.515.730)
+ Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2024</b>	<b>120.909.690.000</b>	<b>2.183.241.500</b>	<b>40.696.071.563</b>	<b>27.311.999.987</b>	<b>191.101.003.050</b>

**Ghi chú:**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2024 số 01/24/NQ-DHĐCĐ/KHS ngày 27/04/2024 đã thông qua việc trích lập các quỹ, và chia cổ tức bằng hình thức cổ phiếu theo tỷ lệ 9% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023. Tuy nhiên, ngày 25/06/2024 Công ty đã nhận được công văn số 3915/UBCK-QLCB của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc Công ty chưa đáp ứng điều kiện để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2023.



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	120.909.690.000	120.909.690.000
<b>Cộng</b>	<b><u>120.909.690.000</u></b>	<b><u>120.909.690.000</u></b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/06/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/06/2023</u>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	120.909.690.000	120.909.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.909.690.000	120.909.690.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	<b>18.136.453.500</b>

*d. Cổ phiếu*

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.090.969	12.090.969
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.090.969	12.090.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.090.969	12.090.969
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.090.969	12.090.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.090.969	12.090.969

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

*e. Các quỹ của doanh nghiệp*

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	40.696.071.563	40.015.010.140

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	106.859,07	10.007,93



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>a. Tổng doanh thu</b>	<b>322.206.148.088</b>	<b>317.989.021.229</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	322.206.148.088	317.989.021.229
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.748.122.814</b>	<b>4.792.312</b>
- Giảm giá hàng bán	50.700.112	4.792.312
- Hàng bán bị trả lại	5.697.422.702	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>316.458.025.274</b>	<b>317.984.228.917</b>
<b>c. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	-	-

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	278.615.562.305	300.633.475.670
<b>Cộng</b>	<b>278.615.562.305</b>	<b>300.633.475.670</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.727.108	4.306.993
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	719.866.446	1.997.348.276
- Doanh thu tài chính khác	-	167.503.054
<b>Cộng</b>	<b>722.593.554</b>	<b>2.169.158.323</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	5.912.356.653	7.366.747.434
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	704.702.821	221.254.074
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	442.538.435	428.416.521
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	-	6.407.351.708
<b>Cộng</b>	<b>7.059.597.909</b>	<b>14.423.769.737</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.477.669.827</b>	<b>4.713.435.274</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.131.663.186	3.402.393.115
- Chi phí bằng tiền khác	1.346.006.641	1.311.042.159
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.251.648.703</b>	<b>7.372.984.055</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.186.921.536	5.104.009.698
- Chi phí đồ dùng văn phòng	55.070.854	54.735.453
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	764.984.519	646.673.214
- Thuế, phí và lệ phí	11.147.804	14.546.356
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.028.056	7.148.451
- Chi phí bằng tiền khác	2.225.495.934	1.545.870.885

**6. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	97.363.636
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	909.090.909	825.000.000
- Các khoản khác	127.372.893	77.001
<b>Cộng</b>	<b>1.036.463.802</b>	<b>922.440.637</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	198.694.308	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	1.661.690	131.157
- Các khoản khác	3.182.117.901	855.524.174
<b>Cộng</b>	<b>3.382.473.899</b>	<b>855.655.331</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.095.053.165	228.877.651.166
- Chi phí nhân công	29.718.432.899	33.240.313.483
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.450.776.531	7.770.933.724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.628.536.416	8.166.589.819
- Chi phí bằng tiền khác	12.253.365.963	13.184.299.064
<b>Cộng</b>	<b>265.146.164.974</b>	<b>291.239.787.256</b>



**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư mở rộng và các dự án kinh doanh tại vùng miền kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột cá Kiên Hùng: Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động chế biến thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Thạnh Lộc: Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động chế biến thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Trang trại nuôi trồng thủy sản Kiên Hùng: Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.



	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.430.129.987	(6.923.492.190)
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	1.085.444.173	184.040.231
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.085.444.173	256.358.487
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(72.318.256)
- Tổng thu nhập chịu thuế	17.515.574.160	(6.739.451.959)
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(14.850.747.432)	-
+ Thu nhập miễn thuế	(2.664.826.728)	-
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	49.536.498
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung (*)	-	49.536.498

**Ghi chú:**

(\*) Khoản thuế TNDN phải nộp này là khoản thuế phát sinh từ thu nhập chênh lệch tăng do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất góp vốn vào doanh nghiệp trong năm 2014 (giá trị quyền sử dụng đất này không được trích khấu hao); Công ty được phân bổ dần giá trị tăng thêm này vào thu nhập tính thuế trong thời gian tối đa không quá 10 năm bắt đầu từ năm giá trị quyền sử dụng đất được đem góp vốn.

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(49.536.498)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(49.536.498)</b>



**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	249.267.417.115	199.748.230.357
<b>Cộng</b>	<b>249.267.417.115</b>	<b>199.748.230.357</b>

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	301.290.101.043	278.202.597.773
<b>Cộng</b>	<b>301.290.101.043</b>	<b>278.202.597.773</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*a. Các bên liên quan*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thủy sản Aoki	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	Cùng thành viên Ban điều hành
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	Cùng thành viên Ban điều hành
Ông Trần Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hương Mai	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Người liên quan của Ban điều hành
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Người công bố thông tin	Ban điều hành

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan*

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
<b>Thuê dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	-	108.573.057
<b>Thanh toán tiền thuê dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	-	153.729.870
<b>Thanh toán tiền thuê đất</b>		
Ông Trần Quốc Dũng	-	6.000.000.000
<b>Vay tiền</b>		
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	566.913.000	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	7.000.000.000	
<b>Trả tiền vay</b>		
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	566.913.000	
<b>Lãi vay</b>		
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Kiên Giang	3.659.527	-
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	247.040.999	-



**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:**

Họ tên	Chức vụ	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Trần Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	83.250.000	111.000.000
Trần Quốc Dũng	Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc	600.892.537	614.509.598
Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	519.966.618	534.315.076
Huỳnh Công Luận	Thành viên HĐQT & Giám đốc Nhà máy bột cá	486.843.318	498.882.649
Nguyễn Tấn Đạt	Phó Giám đốc Tài chính & Kế toán trưởng	292.910.564	290.456.026
Lâm Thị Hương Mai	Thành viên HĐQT độc lập	36.000.000	56.000.000
Huỳnh Thanh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	36.000.000	46.000.000
Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT độc lập	36.000.000	46.000.000
Trương Tuyển Minh	Trưởng Ban kiểm soát	18.000.000	28.000.000
Ngô Văn Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	29.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Cán bộ Phòng Tổ chức	109.593.489	112.332.864
<b>Cộng</b>		<b>2.243.456.526</b>	<b>2.366.496.213</b>

## 1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

### c. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
<b>Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh V.07)</b>		
Công ty TNHH Thủy sản Aoki	48.631.650.128	48.631.650.128
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh V.16.b)</b>		
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	7.000.000.000	-

## 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần	141.815.843.924	174.642.181.350	316.458.025.274
Giá vốn	124.818.274.614	153.797.287.691	278.615.562.305
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>16.997.569.310</b>	<b>20.844.893.659</b>	<b>37.842.462.969</b>

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

## 3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Lập ngày 12 tháng 07 năm 2024

Trần Quốc Dũng